

Số: /KH-UBND

An Giang, ngày

tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH

**Đầu tư phát triển hạ tầng thương mại giai đoạn 2026 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh An Giang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2326/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường bán lẻ Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 259/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển hạ tầng thương mại biên giới Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1162/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược “Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”;

Căn cứ Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Kế hoạch số 224/KH-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thực hiện Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Trên cơ sở kết quả rà soát việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 259/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2021, Quyết định số 1162/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2021, Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2021 và các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển hạ tầng thương mại đã được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch đầu tư phát triển hạ tầng thương mại giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh An Giang, với các nội dung cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển hạ tầng thương mại văn minh, hiện đại, đồng bộ và bền vững, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển thương mại và thị trường trong nước, gắn với xu thế phát triển của thương mại điện tử và ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp; khuyến khích phát triển các loại hình thương mại dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để hiện đại hóa hạ tầng thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số.

2. Phát triển hạ tầng thương mại đồng bộ với phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội như giao thông, thông tin liên lạc, tài chính tín dụng,... gắn với các dịch vụ logistics và dịch vụ hỗ trợ kinh doanh để tăng tính hấp dẫn của môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, trên cơ sở thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư xã hội, nguồn lực của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân.

3. Phát triển hạ tầng thương mại gắn liền với xây dựng và hoàn thiện chính sách phát triển thị trường cạnh tranh lành mạnh giữa các chủ thể tham gia và loại hình hạ tầng thương mại dưới sự quản lý của nhà nước. Nhà nước định hướng, quản lý hạ tầng thương mại thông qua chính sách nhằm tạo lập một môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch, đồng thời giữ vai trò điều tiết, bảo đảm quyền và lợi ích của các chủ thể tham gia.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, định hướng của Trung ương và của tỉnh về phát triển thương mại, phát triển thị trường trong nước và đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

Phát triển hệ thống hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh theo hướng đồng bộ, văn minh, hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển của thương mại điện tử, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế; tăng cường khả năng kết nối giữa sản xuất, phân phối và tiêu dùng, giữa thị trường nội tỉnh với thị trường trong nước và khu vực.

Thu hút các nguồn lực đầu tư, nhất là nguồn lực xã hội hóa, để đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo và phát triển các loại hình hạ tầng thương mại phù hợp với đặc điểm từng địa bàn; góp phần thúc đẩy lưu thông hàng hóa, nâng cao sức mua, cải thiện đời sống Nhân dân, tạo việc làm, tăng thu ngân sách và bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Ưu tiên phát triển hạ tầng thương mại tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới; từng bước thu hẹp khoảng cách tiếp cận dịch vụ thương mại giữa các khu vực, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sản xuất, tiêu dùng và trao đổi hàng hóa của người dân và doanh nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể

Phát triển danh mục hạ tầng thương mại, ưu tiên kêu gọi đầu tư giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với điều kiện, tiềm năng và lợi thế của từng khu vực, từng địa phương; đẩy mạnh lưu thông, mua bán, trao đổi hàng hóa; phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng thương mại gắn với nhu cầu thực tế của người dân, doanh nghiệp và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; trong đó ưu tiên các chỉ tiêu thiết thực, khả thi, bảo đảm hiệu quả đầu tư, cụ thể như sau:

a) Về phát triển hạ tầng thương mại

- Rà soát, xác định khu vực có lợi thế về vùng nguyên liệu, giao thông, logistics và kết nối thị trường để chuẩn bị các điều kiện cần thiết, kêu gọi đầu tư xây dựng 01 chợ đầu mối nông sản, thủy sản cấp vùng; việc quyết định chủ trương đầu tư, lựa chọn địa điểm, quy mô, nguồn vốn và tiến độ thực hiện bảo đảm phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhu cầu thị trường, khả năng cân đối nguồn lực và quy định pháp luật có liên quan.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, cải tạo các chợ loại I hiện có theo hướng văn minh thương mại, bảo đảm các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng cháy và chữa cháy.

- Phấn đấu nâng cấp một số chợ loại II đủ điều kiện lên chợ loại I, ưu tiên các địa bàn trung tâm, khu vực có nhu cầu mua bán lớn và khả năng khai thác hiệu quả sau đầu tư.

- Phát triển mới khoảng 03 đến 05 siêu thị, trung tâm thương mại tại các khu vực đô thị, khu dân cư tập trung, địa bàn có tiềm năng phát triển thương mại, dịch vụ.

- Tiếp tục duy trì ổn định khoảng 90% số lượng cửa hàng tiện lợi, điểm bán lẻ hiện có trên địa bàn tỉnh; đồng thời phát triển mới từ 30 đến 50 cửa hàng tiện lợi, điểm bán lẻ theo mô hình hiện đại, ưu tiên bố trí tại các khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu du lịch, khu công nghiệp và các địa bàn có nhu cầu tiêu dùng cao, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ thương mại và đáp ứng nhu cầu mua sắm của Nhân dân.

- Phát triển các kho hàng hóa đồng bộ với phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội như giao thông, thông tin liên lạc, tài chính tín dụng,... gắn với các dịch vụ

logistics và dịch vụ hỗ trợ kinh doanh. Rà soát, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng, vận hành kho hàng hóa bảo đảm các quy định về xây dựng, phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

- Phân đầu phát triển khoảng 07 kho xăng dầu, khí; quy mô và tổng sức chứa được xác định cụ thể trong quá trình lập, thẩm định dự án trên cơ sở nhu cầu thị trường, khả năng cung ứng và các quy hoạch có liên quan.

- Kêu gọi nhà đầu tư vào các trạm sạc điện, nạp khí cho phương tiện tham gia giao thông: phát triển các trạm sạc điện, nạp khí tại các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh, khuyến khích phát triển kết hợp với các cơ sở kinh doanh, tại các chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, các cơ sở cung cấp dịch vụ,... trên địa bàn tỉnh để phục vụ nhu cầu người dân. Ưu tiên phát triển các trạm sạc điện trên địa bàn đặc khu Phú Quốc phục vụ công trình Hội nghị Cấp cao APEC năm 2027 diễn ra trên địa bàn đặc khu Phú Quốc.

b) Về hạ tầng thương mại khu vực nông thôn, biên giới

- Phân đầu 100% xã đạt tiêu chí về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa hoặc sắp xếp lại khoảng 05 đến 10 chợ tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới theo nhu cầu thực tế và khả năng cân đối nguồn lực.

- Nghiên cứu, hình thành 01 điểm hoặc khu thương mại biên giới tại địa bàn có điều kiện thuận lợi, gắn với nhu cầu giao thương, lưu thông hàng hóa và định hướng phát triển khu vực biên giới.

- Rà soát, đề xuất phương án xử lý đối với các cửa hàng bán lẻ xăng dầu, khí không đáp ứng điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch và điều kiện thực tế của địa phương.

c) Về chuyển đổi số và hiện đại hóa

- Tối thiểu 70% chợ loại I, II được triển khai mô hình “chợ thông minh” (thanh toán không dùng tiền mặt, truy xuất nguồn gốc,...).

- Tối thiểu 80% cơ sở kinh doanh tại chợ, siêu thị, trung tâm thương mại được tiếp cận và ứng dụng các nền tảng số trong hoạt động kinh doanh.

- Đạt 100% siêu thị, trung tâm thương mại áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đạt 80% các cơ sở kinh doanh xăng dầu, khí tiếp cận và áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt.

d) Về thu hút đầu tư

- Phân đầu thu hút vốn đầu tư phát triển hạ tầng thương mại giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 10.000 tỷ đồng đến 15.000 tỷ đồng, bao gồm vốn của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác; việc xác định, tổng hợp vốn đầu tư được thực hiện trên cơ sở danh

mục dự án, tiến độ thực tế và khả năng huy động nguồn lực.

- Phân đầu tỷ lệ vốn xã hội hóa đạt trên 70% tổng vốn đầu tư phát triển hạ tầng thương mại.

đ) Về nguồn nhân lực

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho từ 2.000 đến 3.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Phân đầu 100% cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về hạ tầng thương mại cấp tỉnh và cấp xã được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn định kỳ.

Các chỉ tiêu nêu trên là cơ sở để theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; trong quá trình triển khai có thể được rà soát, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế.

e) Về phát triển thương mại xanh, kinh tế tuần hoàn và tiêu dùng bền vững

- Phân đầu 100% siêu thị, trung tâm thương mại triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng, giảm sử dụng túi nilon khó phân hủy và tăng cường sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Phân đầu 100% chợ loại I thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, vệ sinh thương mại; khuyến khích phân loại chất thải tại nguồn, giảm thiểu rác thải nhựa và từng bước xây dựng mô hình chợ xanh, chợ văn minh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Phân đầu đến năm 2030 có từ 03 đến 05 mô hình chợ xanh, chợ văn minh được xây dựng và duy trì hiệu quả trên địa bàn tỉnh làm cơ sở nhân rộng.

- Khuyến khích phát triển hạ tầng sạc điện, hạ tầng phục vụ phương tiện sử dụng năng lượng sạch tại các khu thương mại, siêu thị, trung tâm thương mại và các địa điểm phù hợp.

- Phân đầu 100% công trình hạ tầng thương mại đầu tư mới xem xét áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường và chuyển đổi số phù hợp với quy mô, tính chất và điều kiện thực tế của dự án.

III. PHÂN KỲ THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 2026 - 2027

a) Hoàn thiện cơ chế, chính sách, rà soát các quy định về phát triển, quản lý, đầu tư, khai thác hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh.

b) Rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu về chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi, kho hàng hóa, cơ sở kinh doanh xăng dầu, khí, hạ tầng thương mại biên giới và các loại hình hạ tầng thương mại khác.

c) Rà soát, hoàn chỉnh danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư; xác định sơ bộ địa điểm, quy mô, nhu cầu sử dụng đất, tổng mức đầu tư dự kiến, hình thức

đầu tư, cơ quan đầu mối và tiến độ thực hiện từng dự án.

d) Chuẩn bị đầu tư, thực hiện thủ tục về quy hoạch, đất đai, môi trường, phòng cháy và chữa cháy, lựa chọn nhà đầu tư hoặc lập chủ trương đầu tư đối với các dự án đủ điều kiện theo quy định.

đ) Thí điểm, nhân rộng các mô hình chợ thông minh, chợ xanh, chợ văn minh, thanh toán không dùng tiền mặt, truy xuất nguồn gốc hàng hóa phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Giai đoạn năm 2028 - 2030

a) Tổ chức triển khai đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các công trình hạ tầng thương mại thuộc danh mục ưu tiên và đủ điều kiện triển khai theo quy định pháp luật.

b) Hoàn thành, đưa vào khai thác các dự án có tiến độ phù hợp; kịp thời rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư, vận hành và khai thác.

c) Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch; sơ kết vào năm 2028, tổng kết vào năm 2030; đề xuất định hướng, nhiệm vụ phát triển hạ tầng thương mại giai đoạn tiếp theo.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Rà soát, kế thừa và thống nhất các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển hạ tầng thương mại

a) Rà soát toàn diện các chương trình, kế hoạch, đề án, danh mục dự án phát triển hạ tầng thương mại đã được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và cơ quan có thẩm quyền ban hành trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

b) Trên cơ sở các quy định, nhiệm vụ được giao tại các văn bản có liên quan, rà soát, xác định cụ thể tình hình tham mưu và tổ chức thực hiện từng nhiệm vụ trước thời điểm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính; trong đó làm rõ các nhiệm vụ đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, đã được ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện, đang triển khai, chưa tham mưu hoặc chưa được tổ chức thực hiện.

c) Đánh giá tình trạng pháp lý, tiến độ triển khai, nguồn vốn, nhu cầu sử dụng đất, hiệu quả đầu tư và mức độ phù hợp của từng chương trình, kế hoạch, đề án, dự án với Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

d) Trên cơ sở kết quả rà soát, thực hiện kế thừa, tích hợp các nội dung còn phù hợp của chương trình, kế hoạch, đề án, dự án đã được ban hành trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính vào Kế hoạch này; đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung hoặc ban hành văn bản xử lý đối với các nội dung không còn phù hợp, bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo, bỏ sót nhiệm vụ hoặc lãng phí nguồn lực.

đ) Rà soát, cập nhật danh mục dự án hạ tầng thương mại ưu tiên thu hút đầu tư; bảo đảm phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khả năng giải phóng mặt bằng, nhu cầu thị trường, khả năng huy động vốn và hiệu quả khai thác.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý, cải thiện môi trường kinh doanh phù hợp với phát triển hạ tầng thương mại.

a) Triển khai kịp thời, hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh về đầu tư, thương mại, đất đai, xây dựng, môi trường, phòng cháy và chữa cháy, khoa học công nghệ, chuyển đổi số và phát triển bền vững.

b) Rà soát, đơn giản hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, đăng ký kinh doanh và các thủ tục có liên quan.

c) Xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh công bằng, minh bạch; tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, quản lý, khai thác hạ tầng thương mại theo quy định.

d) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế khuyến khích, hỗ trợ đầu tư phù hợp đối với các dự án hạ tầng thương mại tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

3. Phát triển hạ tầng thương mại hiện đại và đồng bộ.

a) Trung tâm tổ chức sự kiện, hội chợ, triển lãm thương mại: tập trung kêu gọi đầu tư xây dựng trung tâm tổ chức sự kiện, hội chợ, triển lãm thương mại có quy mô phù hợp tại các đô thị trung tâm, khu vực có điều kiện thuận lợi về giao thông và kết nối vùng.

b) Chợ đầu mối, trung tâm trung chuyển hàng hóa: ưu tiên đầu tư, phát triển chợ đầu mối nông sản, thủy sản, trung tâm trung chuyển hàng hóa tại khu vực có lợi thế về sản xuất, giao thông, logistics và kết nối thị trường.

c) Chợ truyền thống: giữ ổn định mạng lưới chợ hiện có; tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang chợ loại I; xem xét nâng cấp chợ loại II đủ điều kiện lên chợ loại I; lồng ghép thực hiện tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong xây dựng nông thôn mới.

d) Đối với chợ hoạt động không hiệu quả, địa phương chủ động rà soát, đánh giá nguyên nhân; đề xuất phương án nâng cấp, chuyển đổi mô hình quản lý, chuyển đổi công năng, di dời hoặc xử lý theo quy hoạch và quy định pháp luật.

đ) Trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi: khuyến khích đầu tư các loại hình bán lẻ hiện đại tại khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu du lịch, khu vực biên giới, hải đảo; xác định quy mô đầu tư trên cơ sở dân số, sức mua, lượng khách du lịch, khả năng kết nối giao thông và hiệu quả kinh doanh.

e) Kho hàng hóa, trung tâm phân phối: khuyến khích doanh nghiệp đầu tư,

nâng cấp, mở rộng kho hàng hóa, trung tâm phân phối, trung tâm trung chuyển hàng hóa; ứng dụng phần mềm quản lý kho, mã vạch, truy xuất nguồn gốc, công nghệ tiết kiệm năng lượng và năng lượng tái tạo phù hợp.

g) Cơ sở kinh doanh xăng dầu, khí: hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc duy trì điều kiện kinh doanh theo quy định; rà soát, đề xuất phương án xử lý đối với các cơ sở không đáp ứng điều kiện hoạt động, không bảo đảm an toàn hoặc không phù hợp quy hoạch.

h) Trạm sạc điện, trạm nạp khí nhiên liệu: khuyến khích đầu tư tại các khu thương mại, siêu thị, trung tâm thương mại, chợ, khu du lịch, khu đô thị, khu công nghiệp và các tuyến giao thông trọng điểm, bảo đảm phù hợp quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định pháp luật có liên quan.

i) Khu phi thuế quan: nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét định hướng hình thành khu phi thuế quan tại khu vực có điều kiện phù hợp về cảng, sân bay, cửa khẩu, giao thông kết nối, hạ tầng logistics và quy hoạch có liên quan.

4. Phát triển hạ tầng thương mại đảm bảo hiện đại và đồng bộ, nhằm tăng tính hấp dẫn của môi trường đầu tư kinh doanh, tăng tính liên kết ngành, vùng kinh tế, liên kết khu vực và quốc tế

Phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với phương án phát triển thương mại tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo tính kế thừa, đồng bộ và thống nhất với các quy hoạch như sau:

a) Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cần được ưu tiên bố trí cho phát triển, củng cố, nâng cấp có trọng điểm kết cấu hạ tầng chợ truyền thống theo hướng hiện đại, văn minh; triển khai mô hình “chợ thông minh” ứng dụng công nghệ để kết nối người bán và người mua, cung cấp thông tin minh bạch về chất lượng an toàn thực phẩm và nguồn gốc hàng hóa. Khuyến khích mở rộng các siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng núi và biên giới hải đảo để cung cấp hàng hóa chất lượng cho người dân tại địa phương; nâng cấp hệ thống các công trình phụ trợ như bãi đậu xe, khu tập trung rác thải, hệ thống thoát nước tại các khu vực bán lẻ, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động giao thương tại địa bàn, khu vực.

b) Chú trọng đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng thương mại tại các địa bàn khó khăn khu vực ven đô thị, nông thôn, quan tâm phát triển hạ tầng thương mại thiết yếu khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm hiệu quả và mang tính hệ thống, nhất là mạng lưới chợ hiện đại, siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng bách hóa và trung tâm thương mại,...

c) Có chính sách ưu tiên bố trí mặt bằng cho phát triển kho hàng tại các khu vực đô thị, bố trí quỹ đất tại một số địa phương cho các doanh nghiệp xây dựng hệ thống kho bãi có thể sẵn sàng đáp ứng nhu cầu lưu kho và vận chuyển hàng hóa ngày càng tăng. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và kỹ thuật quản trị kho hàng hiện đại (phần mềm chuyên dùng, mã vạch,...) trong điều phối

và quản lý kho bãi, kết nối thông tin với khách hàng để phục vụ công tác kiểm tra, lưu trữ và theo dõi từng lô hàng; đồng thời, tăng cường đầu tư thiết kế hệ thống vận hành kho bãi sử dụng năng lượng tái tạo nhằm tiết giảm chi phí và kiểm soát năng lượng tiêu thụ tại kho bãi.

5. Nâng cao nguồn nhân lực trong phát triển và quản lý hạ tầng thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

a) Đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự làm công tác phát triển và quản lý hạ tầng thương mại: Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức tham gia hạ tầng thương mại; cử cán bộ, công chức làm công tác quản lý hạ tầng thương mại đi tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo,... do các Bộ, ngành, Trung ương tổ chức, nhằm nâng cao năng lực và kỹ năng về quản lý, điều hành hoạt động đối với các loại hình hạ tầng thương mại.

b) Tổ chức các hội nghị, lớp tập huấn trên địa bàn tỉnh hoặc hỗ trợ, tạo điều kiện cho thương nhân của tỉnh tham gia các hội nghị, lớp tập huấn, diễn đàn, hội chợ, triển lãm do các bộ, ngành, Trung ương tổ chức tại các tỉnh, thành phố nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, hiệu quả quản lý, kinh doanh, xây dựng, phát triển mối quan hệ, liên kết bạn hàng với thương nhân trong nước, thương nhân nước ngoài.

6. Phát triển hạ tầng thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo

a) Tăng cường tuyên truyền, quảng bá tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa, tiềm năng của tỉnh, thông tin về quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh trong thời gian tới. Tổ chức tuyên truyền, quảng bá về phát triển hạ tầng thương mại biên giới bằng nhiều hình thức phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhằm quảng bá tiềm năng, thế mạnh kinh tế biển và biên giới của tỉnh; thu hút các nhà đầu tư có đủ năng lực, kinh nghiệm trong và ngoài nước đến đầu tư phát triển hạ tầng thương mại khu vực biên giới, cửa khẩu và hải đảo.

b) Phối hợp với Bộ Công Thương rà soát, xây dựng danh mục các dự án hạ tầng thương mại biên giới cần ưu tiên đầu tư, nâng cấp cải tạo bằng nguồn ngân sách; danh mục các dự án hạ tầng thương mại biên giới cần khuyến khích thu hút các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư để có kế hoạch phát triển phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

7. Phát triển thương mại xanh, kinh tế tuần hoàn và tiêu dùng bền vững

a) Đẩy mạnh phát triển hệ thống hạ tầng thương mại theo hướng xanh, thân thiện với môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và năng lượng; khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn công trình xanh, vật liệu xây dựng thân thiện môi trường, giải pháp tiết kiệm điện, nước trong quá trình đầu tư xây dựng, nâng cấp chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, kho bãi và các công trình hạ tầng thương mại khác.

b) Khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng

mô hình kinh tế tuần hoàn trong hoạt động sản xuất, phân phối và tiêu dùng; thúc đẩy tái sử dụng, tái chế chất thải, giảm thiểu phát sinh rác thải nhựa dùng một lần tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi và các cơ sở kinh doanh thương mại trên địa bàn tỉnh.

c) Từng bước triển khai mô hình chợ xanh, chợ văn minh, chợ thông minh gắn với phân loại rác tại nguồn, sử dụng bao bì thân thiện môi trường, hạn chế sử dụng túi nilon khó phân hủy; khuyến khích áp dụng các giải pháp truy xuất nguồn gốc, thanh toán không dùng tiền mặt và quản lý số trong hoạt động kinh doanh.

d) Khuyến khích đầu tư, lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà, hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng, thiết bị sử dụng năng lượng hiệu suất cao tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, kho hàng hóa, cơ sở kinh doanh xăng dầu, khí và các công trình hạ tầng thương mại khác theo quy định của pháp luật.

e) Thúc đẩy phát triển hạ tầng phục vụ phương tiện sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; ưu tiên thu hút đầu tư các trạm sạc điện, trạm nạp khí cho phương tiện giao thông tại các khu thương mại, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, khu du lịch, khu đô thị và các tuyến giao thông trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

g) Khuyến khích doanh nghiệp logistics, doanh nghiệp phân phối đầu tư hệ thống kho bãi hiện đại, ứng dụng công nghệ quản lý thông minh, tối ưu hóa vận tải, giảm tiêu hao nhiên liệu, giảm phát thải khí nhà kính và từng bước hình thành mô hình logistics xanh.

h) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người tiêu dùng về sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng bền vững; ưu tiên quảng bá, kết nối tiêu thụ các sản phẩm xanh, sản phẩm OCOP, sản phẩm hữu cơ, sản phẩm thân thiện với môi trường và sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn phát triển bền vững.

i) Tăng cường lồng ghép các mục tiêu về tăng trưởng xanh, giảm phát thải khí nhà kính, chuyển đổi số và kinh tế tuần hoàn trong quá trình xây dựng, thực hiện các chương trình, đề án, dự án phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh.

V. DANH MỤC PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI

Phát triển hạ tầng thương mại giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*Phụ lục đính kèm*).

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách Nhà nước, huy động nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này xây dựng dự toán, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí triển khai thực hiện theo quy định.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

a) Là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát việc tham mưu, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển hạ tầng thương mại đã được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và cơ quan có thẩm quyền ban hành trước thời điểm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính; xác định cụ thể các nhiệm vụ đã tham mưu, đang triển khai, chưa tham mưu hoặc chưa được tổ chức thực hiện. Trên cơ sở đó, tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch mới hoặc hợp nhất, điều chỉnh, thay thế các kế hoạch còn phù hợp, bảo đảm tính kế thừa, đồng bộ, thống nhất, tránh trùng lặp, chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, đề xuất các giải pháp phát triển hạ tầng thương mại để tích hợp vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, thống nhất chủ trương đầu tư phát triển mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các công trình hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh theo phân cấp quản lý và quy định hiện hành.

d) Chủ trì rà soát, xây dựng danh mục các dự án ưu tiên thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển hạ tầng thương mại phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

đ) Hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương triển khai thực hiện các tiêu chí về hạ tầng thương mại trong xây dựng nông thôn mới; phát triển chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi, điểm bán hàng Việt Nam, chợ thông minh, hạ tầng thương mại biên giới và các loại hình hạ tầng thương mại khác phù hợp với quy hoạch và nhu cầu thực tế.

e) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương triển khai các hoạt động phát triển thương mại xanh, kinh tế tuần hoàn, mô hình chợ xanh, chợ văn minh; hướng dẫn lồng ghép các mục tiêu bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính và chuyển đổi số trong phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh.

g) Chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường; phối hợp với các lực lượng chức năng kiểm tra, xử lý nghiêm theo quy định pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong kinh doanh, buôn bán hàng nhập lậu, hàng cấm, hàng giả, hàng giả mạo nhãn hiệu, giả mạo xuất xứ, hàng hóa không

rõ nguồn gốc, xuất xứ trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp Sở Công Thương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện trên cơ sở lồng ghép trong dự toán ngân sách chi thường xuyên hằng năm theo khả năng cân đối ngân sách; theo phân cấp và quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan để triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền về cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích và thu hút đầu tư đối với các dự án xây dựng, phát triển hạ tầng thương mại phù hợp với tiêu chí đầu tư, quy hoạch và định hướng phát triển của tỉnh.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường và các thủ tục khác có liên quan thuộc thẩm quyền và phạm vi quản lý theo quy định; kịp thời xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

b) Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất và tiếp cận các chính sách ưu đãi về đất đai theo quy định.

c) Hướng dẫn, hỗ trợ triển khai các giải pháp bảo vệ môi trường, phân loại chất thải tại nguồn và kinh tế tuần hoàn trong hoạt động thương mại theo quy định của pháp luật.

4. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện tốt công tác quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, làm cơ sở định hướng phát triển các loại hình hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn, thẩm định theo thẩm quyền đối với các nội dung liên quan đến quy hoạch, kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, chỉ tiêu xây dựng đối với các công trình như trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, trung tâm hội chợ triển lãm, kho hàng, kho ngoại quan, khu phi thuế quan và các công trình thương mại, dịch vụ khác theo quy định.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu triển khai triển khai các giải pháp ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong phát triển hạ tầng thương mại.

b) Hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng các mô hình thương mại hiện đại, mô hình chợ thông minh, truy xuất nguồn gốc, thanh toán không dùng tiền mặt, nền tảng số trong quản lý, kinh doanh và vận hành hạ tầng thương mại.

c) Phối hợp tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách về ứng dụng khoa học, công nghệ trong hoạt động thương mại nhằm nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và Nhân dân.

d) Nghiên cứu, hỗ trợ ứng dụng các giải pháp công nghệ phục vụ phát triển thương mại xanh, kinh tế tuần hoàn, tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính trong hoạt động thương mại.

6. Sở Du lịch

a) Phối hợp với các sở, ban ngành, địa phương lồng ghép gắn với phát triển du lịch trên cơ sở khai thác hợp lý tiềm năng, khuyến khích phát triển các điểm mua sắm, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi, chợ đêm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, hình thành các sản phẩm đặc thù, xây dựng thương hiệu OCOP phục vụ khách du lịch.

b) Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh và các cơ quan liên quan tăng cường xúc tiến, quảng bá tiềm năng thương mại - du lịch của tỉnh; thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại gắn với du lịch, dịch vụ.

7. Sở Văn hóa và Thể thao

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu hình ảnh địa phương, giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển thương mại, dịch vụ.

b) Hướng dẫn lồng ghép các yếu tố văn hóa, văn minh thương mại, nếp sống văn minh vào hoạt động chợ, trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm và các hoạt động xúc tiến thương mại, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh văn minh, hiện đại.

8. Sở Tư pháp

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, tham gia ý kiến về mặt pháp lý đối với các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật và văn bản cá biệt liên quan đến phát triển hạ tầng thương mại theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật về đầu tư, kinh doanh, quản lý và phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh.

9. Sở Nội vụ

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hạ tầng thương mại theo quy định.

b) Phối hợp tham mưu triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý nhà nước cho đội ngũ cán bộ làm công tác thương mại các cấp.

10. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại các khu vực triển khai dự án hạ tầng thương mại, các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm và các địa điểm kinh doanh thương mại tập trung.

b) Chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ phối hợp phòng ngừa, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thương mại; bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh mạng, phòng cháy và chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

c) Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy đối với các công trình hạ tầng thương mại.

11. Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, địa phương biên giới và các cơ quan, đơn vị có liên quan bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự khu vực biên giới trong quá trình đầu tư, xây dựng và hoạt động của các công trình hạ tầng thương mại biên giới.

b) Phối hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho tổ chức, cá nhân, Nhân dân khu vực biên giới; phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

c) Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã có biên giới tham mưu phát triển hạ tầng thương mại biên giới gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

12. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch xúc tiến đầu tư hằng năm nhằm thu hút đầu tư vào các dự án hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b) Tăng cường giới thiệu, quảng bá tiềm năng, lợi thế, môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh; hỗ trợ kết nối nhà đầu tư, doanh nghiệp tìm hiểu cơ hội đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng thương mại.

c) Phối hợp tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm, kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa.

13. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát hiện trạng, đề xuất danh mục hạ tầng thương mại biên giới ưu tiên đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thuộc phạm vi quản lý.

b) Rà soát, đăng ký nhu cầu sử dụng đất vào quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2026 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất hằng năm đối với các dự án hạ tầng thương mại thuộc phạm vi quản lý.

c) Chủ trì tổ chức triển khai hiệu quả công tác kêu gọi, thu hút tổ chức, cá nhân đầu tư hạ tầng thương mại tại các địa bàn thuộc phạm vi quản lý; phối hợp giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.

14. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Căn cứ nội dung Kế hoạch này, chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả tại địa phương.

b) Chủ động rà soát, xây dựng danh mục hạ tầng thương mại ưu tiên đầu tư phát triển phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác; thực hiện lồng ghép với các chương trình, đề án, dự án khác để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

c) Tổ chức triển khai các mô hình chợ xanh, chợ văn minh, chợ thông minh; tuyên truyền phân loại chất thải tại nguồn, giảm thiểu rác thải nhựa và bảo vệ môi trường trong hoạt động thương mại phù hợp điều kiện thực tế của địa phương.

d) Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn theo phân cấp; tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

đ) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật; nâng cao nhận thức của cơ sở kinh doanh, tổ chức, cá nhân và Nhân dân trong đổi mới phương thức tổ chức kinh doanh, thay đổi thói quen, hành vi thương mại theo hướng văn minh, hiện đại; khuyến khích phát triển các loại hình thương mại dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

e) Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã có biên giới, tăng cường tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật và chính sách phát triển hạ tầng thương mại biên giới đến toàn thể Nhân dân trên địa bàn; chủ động phối hợp thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng thương mại biên giới gắn với phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

g) Thực hiện chế độ tổng hợp, báo cáo tình hình triển khai Kế hoạch định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu về Sở Công Thương để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.

15. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh

a) Phát huy vai trò là cầu nối giữa doanh nghiệp với cơ quan quản lý nhà nước trong phối hợp triển khai các nội dung của Kế hoạch; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, phát triển thị trường, tăng cường liên kết, hợp tác, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

b) Tổng hợp, phản ánh kịp thời khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; chủ động đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan có liên quan các giải pháp hỗ trợ phù hợp.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu thị trường, xây dựng chiến lược, đổi mới phương thức, hình thức kinh doanh theo hướng văn minh, hiện đại; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng và quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại.

16. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch này theo quy định của pháp luật.

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch trước ngày 15 tháng 11 hằng năm hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu, gửi về Sở Công Thương để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc thấy cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh các nội dung của Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị và địa phương kịp thời, chủ động phản ánh, đề xuất gửi Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- UBND cấp xã;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP, các đơn vị thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, hvathien “HT”.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Phong

Phụ lục I
DANH MỤC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CHỢ ĐẦU MỐI, CHỢ HẠNG I TỈNH AN GIANG THỜI KỲ
2026 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

- Hiện trạng chợ đầu mối: Có 01 chợ tại phường Châu Đốc
- Hiện trạng chợ hạng I: 2 chợ (chợ Rạch Sỏi và chợ 30/4)
- Hiện trạng chợ hạng II: 24 chợ
- Hiện trạng chợ hạng III: 299 chợ
- * Quy hoạch giai đoạn 2026 - 2030:
- Chợ đầu mối: xây dựng mới 11 chợ.
- Chợ hạng I: nâng cấp, cải tạo 6 chợ.
- * Quy hoạch đến năm 2050:
- Chợ đầu mối: xây dựng mới 11 chợ.
- Chợ hạng I: nâng cấp, cải tạo 6 chợ.

STT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Diện tích dự kiến (m2)	Hình thức đầu tư		Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Ghi chú
				Xây mới	Nâng cấp, cải tạo	Giai đoạn 2026 - 2030	Sau năm 2030	
	TỔNG CỘNG		260,402	11	6	17	0	
I	CHỢ ĐẦU MỐI		185,890	11	0	11	0	
1	Chợ đầu mối	Xã Bình An	25,890	x		x		Bổ sung, điều chỉnh theo Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính

STT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Diện tích dự kiến (m2)	Hình thức đầu tư		Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Ghi chú
				Xây mới	Nâng cấp, cải tạo	Giai đoạn 2026 - 2030	Sau năm 2030	
								phủ
2	Chợ đầu mối	Đặc khu Phú Quốc	10,000	x		x		Giữ nguyên theo Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ
3	Chợ đầu mối	Phường Rạch Giá	30,000	x		x		Giữ nguyên theo Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ
4	Chợ đầu mối	Phường Mỹ Thới	10,000	x		x		Đề xuất bổ sung
5	Chợ đầu mối	Xã Hội An	10,000	x		x		Đề xuất bổ sung
6	Chợ đầu mối	Ấp 1, xã An Minh	10,000	x		x		Đề xuất bổ sung (hiện trạng có chợ dân sinh do Công ty Thiên Ngọc đầu tư và khai đang hoạt động, nếu được nâng cấp chợ dân sinh lên chợ đầu mối do rất thuận lợi đường bộ (giáp Quốc lộ 91) và đường sông (cấp sông Hậu)

STT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Diện tích dự kiến (m2)	Hình thức đầu tư		Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Ghi chú
				Xây mới	Nâng cấp, cải tạo	Giai đoạn 2026 - 2030	Sau năm 2030	
7	Chợ đầu mối	Xã Bình Mỹ	10,000	x		x		Đề xuất bổ sung
8	Chợ đầu mối	Xã Tân An	10,000	x		x		Đề xuất bổ sung
9	Chợ đầu mối	Xã Vĩnh Thông	10,000	x		x		Đề xuất bổ sung
10	Chợ đầu mối	Đặc khu Thổ Châu	10,000	x		x		Đề xuất bổ sung
11	Chợ đầu mối	Xã Vĩnh Phong	50,000	x		x		Đề xuất bổ sung
II	CHỢ HẠNG I		74,512	0	6	6	0	
1	Chợ Rạch Sỏi	Phường Rạch Giá	15,495		x	x		Giữ nguyên theo Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ
2	Chợ 30/4	Phường Rạch Giá	6,670		x	x		Giữ nguyên theo Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ
3	Chợ Long Xuyên	Phường Long Xuyên	18,100		x	x		Đề xuất bổ sung
4	Chợ Châu Đốc	Phường Châu Đốc	10,405		x	x		Đề xuất bổ sung
5	Chợ Tân Châu	Phường Tân Châu	8,428		x	x		Đề xuất bổ sung
6	Chợ Tịnh Biên	Phường Tịnh Biên	15,414		x	x		Đề xuất bổ sung

Phụ lục II
DANH MỤC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SIÊU THỊ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

- Hiện trạng siêu thị: Có 14 siêu thị tổng hợp.
- Quy hoạch giai đoạn 2026 - 2030: Xây mới 56 siêu thị.
- Quy hoạch đến năm 2050: Xây mới 47 siêu thị.

STT	Địa điểm	Siêu thị tổng hợp	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Ghi chú
			Giai đoạn 2026 - 2030	Sau năm 2030	
	TỔNG CỘNG	103	56	47	
1	Phường Rạch Giá	7	3	4	Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị
2	Phường Vĩnh Thông	9	3	6	Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị
3	Phường Long Xuyên	3	2	1	Theo định hướng phát triển đô thị nâng cao chất lượng loại I năm 2030
4	Phường Bình Đức	1	1		Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị (Dự liên mời gọi đầu tư tại khu đất bến xe Bình Khánh cũ)
5	Phường Mỹ Thới	1	1		Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị
6	Phường Châu Đốc	2	2		Theo định hướng phát triển đô thị nâng cao chất lượng loại II năm 2030
7	Phường Vĩnh Tế	2	1	1	Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị
8	Phường Tân Châu	1		1	Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị loại III
9	Phường Long Phú	1		1	Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị
10	Phường Tịnh Biên	1	1		Theo định hướng phát triển đô thị lên loại III năm 2030

STT	Địa điểm	Siêu thị tổng hợp	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Ghi chú
			Giai đoạn 2026 - 2030	Sau năm 2030	
11	Phường Thới Sơn	1		1	Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
12	Phường Chi Lăng	1		1	Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
13	Phường Hà Tiên	5	2	3	Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị loại I năm 2030 của địa phương
14	Phường Tô Châu	2	1	1	Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị (Dự kiến mời gọi đầu tư tại khu đất bến xe Bình Khánh cũ)
15	Đặc khu Phú Quốc	7	4	3	Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
16	Xã Châu Thành	3	1	2	Địa phương đề xuất theo định hướng hiện trạng cũ phát triển đô thị nâng cao chất lượng loại II năm 2030
17	Xã Tân Hiệp	2	1	1	Địa phương đề xuất theo hiện trạng cũ để nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
18	Xã Giồng Riềng	2	1	1	Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
19	Xã Long Thạnh	2	1	1	Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
20	Xã Hoà Hưng	2	1	1	Địa phương đề xuất theo định hướng phát triển đô thị lên loại III năm 2030 của địa phương
21	Xã Ngọc Chúc	1	1		Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
22	Xã Gò Quao	3	2	1	Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
23	Xã Định Hoà	1	1		Theo định hướng phát triển đô thị lên loại II năm 2030 của địa phương
24	Xã An Biên	1	1		Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
25	Xã An Minh	2	1	1	Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
26	Xã U Minh Thượng	2	1	1	Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương

STT	Địa điểm	Siêu thị tổng hợp	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Ghi chú
			Giai đoạn 2026 - 2030	Sau năm 2030	
27	Xã Vĩnh Thuận	1	1		Địa phương đề xuất theo định hướng hiện trạng cũ phát triển đô thị nâng cao chất lượng đô thị năm 2030
28	Xã Vĩnh Bình	5	2	3	Địa phương đề xuất theo định hướng hiện trạng cũ phát triển đô thị nâng cao chất lượng đô thị năm 2030
29	Xã Vĩnh Hoà	2	1	1	Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
30	Xã Hòn Đất	2	1	1	Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
31	Xã Sơn Kiên	1	1		Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
32	Xã Mỹ Thuận	1	1		Địa phương đề xuất theo định hướng hiện trạng cũ phát triển đô thị nâng cao chất lượng đô thị năm 2030
33	Xã Kiên Lương	3	2	1	Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
34	Xã Bình Giang	1	1		Địa phương đề xuất theo định hướng hiện trạng cũ phát triển đô thị nâng cao chất lượng đô thị năm 2030
35	Xã Bình Sơn	1	1		Địa phương đề xuất theo định hướng hiện trạng cũ phát triển đô thị nâng cao chất lượng đô thị năm 2030
36	Xã An Phú	2	1	1	Địa phương đề xuất theo định hướng hiện trạng cũ phát triển đô thị nâng cao chất lượng đô thị năm 2030
37	Xã Khánh Bình	1		1	Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
38	Xã Tri Tôn	1	1		Địa phương đề xuất theo định hướng hiện trạng cũ phát triển đô thị nâng cao chất lượng đô thị
39	Xã Ba Chúc	1		1	Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
40	Xã Cô Tô	1		1	Địa phương đề xuất theo định hướng hiện trạng cũ phát triển đô thị nâng cao chất lượng đô thị
41	Xã Thoại Sơn	1	1		Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
42	Xã Óc Eo	1		1	Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
43	Xã An Châu	1	1		Địa phương đề xuất theo định hướng hiện trạng cũ phát triển đô thị nâng cao chất lượng đô thị
44	Xã Cồn Đăng	1		1	Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương

STT	Địa điểm	Siêu thị tổng hợp	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Ghi chú
			Giai đoạn 2026 - 2030	Sau năm 2030	
45	Xã Vĩnh An	1		1	Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
46	Xã Phú Tân	2	2		Địa phương đề xuất theo định hướng hiện trạng cũ phát triển đô thị nâng cao chất lượng đô thị
47	Xã Chợ Vàm	1	1		Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
48	Xã Chợ Mới	1	1		Địa phương đề xuất theo định hướng hiện trạng cũ phát triển đô thị nâng cao chất lượng đô thị
49	Xã Hội An	1		1	Địa phương đề xuất theo định hướng hiện trạng cũ phát triển đô thị nâng cao chất lượng đô thị
50	Xã Long Điền	1	1		Địa phương đề xuất theo định hướng hiện trạng cũ phát triển đô thị nâng cao chất lượng đô thị
51	Xã Châu Phú	1	1		Địa phương đề xuất theo định hướng hiện trạng cũ phát triển đô thị nâng cao chất lượng đô thị
52	Xã Vĩnh Thạnh Trung	1	1		Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
53	Xã Thạnh Đông	1		1	Địa phương đề xuất theo định hướng hiện trạng cũ phát triển đô thị nâng cao chất lượng đô thị
54	Xã Vĩnh Phong	1	1		Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư và phân kỳ thực hiện của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

Phụ lục III
DANH MỤC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030,
TẦM NHÌN SAU NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

- Hiện trạng siêu thị: có 03 Trung tâm thương mại.
- Quy hoạch giai đoạn 2026-2030: Xây mới 21 Trung tâm thương mại.
- Quy hoạch đến năm 2050: Xây mới 30 Trung tâm thương mại.

STT	Địa điểm	Trung tâm thương mại	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Ghi chú
			Giai đoạn 2026 - 2030	Sau năm 2030	
	TỔNG CỘNG	51	21	30	
1	Phường Rạch Giá	3	2	1	Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
2	Phường Vĩnh Thông	3	1	2	Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
3	Phường Long Xuyên	2	1	1	Địa phương đề xuất theo định hướng phát triển đô thị nâng cao chất lượng loại I năm 2030
4	Phường Bình Đức	1	1		Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị Dự kiến khu đất gần bệnh viện y học cổ truyền)
5	Phường Mỹ Thới	2	1	1	Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
6	Phường Châu Đốc	2	1	1	Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị loại I năm 2030 của địa phương
7	Phường Vĩnh Tế	1		1	Địa phương đề xuất theo hiện trạng cũ trước đây là có định hướng nâng cao chất lượng đô thị

STT	Địa điểm	Trung tâm thương mại	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Ghi chú
			Giai đoạn 2026 - 2030	Sau năm 2030	
8	Phường Tân Châu	1		1	Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
9	Phường Long Phú	1		1	Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
10	Phường Tịnh Biên	1	1		Địa phương đề xuất theo định hướng phát triển đô thị lên loại III năm 2030
11	Phường Thới Sơn	1		1	Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
12	Phường Chi Lăng	1	1		Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
13	Phường Hà Tiên	2	1	1	Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
14	Đặc khu Phú Quốc	4	2	2	Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
15	Đặc khu Kiên Hải			2	Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
16	Xã Châu Thành	1	1		Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
17	Xã Giồng Riềng	1		1	Địa phương đề xuất theo hiện trạng cũ trước đây là có định hướng nâng cao chất lượng đô thị
18	Xã Gò Quao	1		1	Địa phương đề xuất theo hiện trạng cũ trước đây là có Trung tâm huyện Gò Quao cũ và xã Định An cũ
19	Xã An Biên	1		1	Địa phương đề xuất theo hiện trạng cũ trước đây là có định hướng nâng cao chất lượng đô thị
20	Xã An Minh	1		1	Địa phương đề xuất theo hiện trạng cũ trước đây là có định hướng nâng cao chất lượng đô thị

STT	Địa điểm	Trung tâm thương mại	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Ghi chú
			Giai đoạn 2026 - 2030	Sau năm 2030	
21	Xã U Minh Thượng	1		1	Địa phương đề xuất theo hiện trạng cũ trước đây là có định hướng nâng cao chất lượng đô thị
22	Xã Vĩnh Bình	2	1	1	Địa phương đề xuất theo hiện trạng cũ trước đây là có định hướng nâng cao chất lượng đô thị
23	Xã Vĩnh Hoà	1		1	Địa phương đề xuất theo hiện trạng cũ trước đây là có Trung tâm huyện U Minh Thượng cũ
24	Xã Sơn Kiên	1		1	Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
25	Xã Bình Giang	1		1	Theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
26	Xã An Phú	1		1	Địa phương đề xuất theo hiện trạng cũ trước đây là có Trung tâm huyện An Phú cũ
27	Xã Tri Tôn	1		1	Địa phương đề xuất theo hiện trạng cũ trước đây là có Trung tâm huyện Tri Tôn cũ
28	Xã Ba Chúc	1		1	Địa phương đề xuất theo hiện trạng cũ trước đây là có thị trấn Ba Chúc
29	Xã Thoại Sơn	1		1	Địa phương đề xuất theo hiện trạng cũ trước đây là có Trung tâm huyện Thoại Sơn cũ
30	Xã Óc Eo	1		1	Địa phương đề xuất theo hiện trạng cũ trước đây là có thị trấn Óc Eo
31	Xã Chợ Vàm	1	1		Địa phương đề xuất theo hiện trạng cũ trước đây là có Trung tâm huyện Phú Tân cũ
32	Xã Chợ Mới	1	1		Địa phương đề xuất theo hiện trạng cũ trước đây là Trung tâm huyện Chợ Mới cũ
33	Xã Long Điền	1		1	Địa phương đề xuất theo hiện trạng cũ trước đây là Trước đây có thị trấn Mỹ Lương
34	Xã Châu Phú	1	1		Địa phương đề xuất theo hiện trạng cũ trước đây là Trung tâm huyện Châu Phú cũ

STT	Địa điểm	Trung tâm thương mại	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Ghi chú
			Giai đoạn 2026 - 2030	Sau năm 2030	
35	Xã An Châu	1	1		Địa phương đề xuất theo hiện trạng cũ trước đây là Trung tâm huyện Châu Thành AG cũ
36	Xã Vĩnh Thạnh Trung	1	1		Địa phương đề xuất theo hiện trạng cũ trước đây là có thị trấn Vĩnh Thạnh Trung
37	Xã Vĩnh Phong	1	1		Địa phương đề xuất theo định hướng nâng cao chất lượng đô thị của địa phương
38	Xã Mỹ Đức	1	1		Địa phương đề xuất theo hiện trạng cũ trước đây là có thị trấn Vĩnh Thạnh Trung

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư và phân kỳ thực hiện của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

Phụ lục IV
DANH MỤC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM TỔ CHỨC SỰ KIỆN, HỘI CHỢ,
TRIỂN LÃM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

- Hiện trạng trung tâm hội chợ: Chưa có.
- Quy hoạch đến năm 2050: 05 Trung tâm hội chợ.

STT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Diện tích dự kiến (m ²)	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Ghi chú
				Giai đoạn 2026 - 2030	Sau năm 2030	
1	Trung tâm tổ chức sự kiện, hội chợ, triển lãm cấp tỉnh	Phường Rạch Giá	Nghiên cứu xác định trong quá trình lập dự án	x		Giữ nguyên theo Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ
2	Trung tâm tổ chức sự kiện, hội chợ, triển lãm cấp tỉnh	Đặc khu Phú Quốc	Nghiên cứu xác định trong quá trình lập dự án	x		Giữ nguyên theo Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ
3	Trung tâm tổ chức sự kiện, hội chợ, triển lãm cấp tỉnh	Phường Hà Tiên	Nghiên cứu xác định trong quá trình lập dự án	x		Đề xuất bổ sung
4	Trung tâm tổ chức sự kiện, hội chợ, triển lãm cấp tỉnh	Phường Long Xuyên	Nghiên cứu xác định trong quá trình lập dự án	x		Giữ nguyên theo Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ
5	Trung tâm tổ chức sự kiện, hội chợ, triển lãm cấp tỉnh	Phường Châu Đốc	Nghiên cứu xác định trong quá trình lập dự án		x	Giữ nguyên theo Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư và phân kỳ đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

Phụ lục V
DANH MỤC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG XĂNG DẦU, KHÍ VÀ NHIÊN LIỆU SINH HỌC GIAI
ĐOẠN 2026 - 2030, TẦM NHÌN SAU NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

* Hiện trạng:

- Kho xăng dầu: Có 1.162 cửa hàng xăng dầu; có 24 kho xăng dầu với sức chứa 62.242 m³; có chủ trương 06 kho xăng dầu và một nhà máy xăng sinh học.

- Kho khí: Có 04 trạm nạp; 43 kho chứa; 975 cửa hàng.

STT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Công suất dự kiến	Diện tích dự kiến (m ²)	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Ghi chú
					Giai đoạn 2026 - 2030	Sau năm 2030	
I	Nhà máy sản xuất xăng sinh học						
1	01 nhà máy	Xã Định Mỹ	Giai đoạn 1: 150.000 tấn/năm; Giai đoạn 2: 200.000 tấn/năm	34,600	x		Phối hợp Bộ Công Thương xem xét bổ sung quy hoạch quốc gia. Chỉ được thực hiện sau khi cơ quan thẩm quyền phê duyệt.
II	Kho xăng dầu						
II.1	Nâng cấp, cải tạo						
1	Kho Vĩnh Tre	Xã Vĩnh Thạnh Trung	2.100 m ³	5,023	x		Giữ nguyên theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ
2	Kho Mỹ Thạnh	Phường Mỹ Thới	4.600 m ³	10,000	x		Giữ nguyên theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Công suất dự kiến	Diện tích dự kiến (m ²)	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Ghi chú
					Giai đoạn 2026 - 2030	Sau năm 2030	
II.2	Xây mới						
1	Kho Châu Phong	Xã Châu Phong	300 m ³	1,500	x		Giữ nguyên theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ
2	Kho Bình Thạnh Đông	Xã Bình Thạnh Đông	1.000 m ³	5,000	x		Giữ nguyên theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ
3	Kho Chợ Vàm	Xã Chợ Vàm	500 m ³	1,000	x		Giữ nguyên theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ
4	Kho xăng dầu Thổ Châu	Đặc khu Thổ Châu	100.000 m ³		x		Phối hợp Bộ Công Thương xem xét bổ sung quy hoạch quốc gia. Chỉ được thực hiện sau khi cơ quan thẩm quyền phê duyệt.
5	Kho xăng dầu	Xã Hội An	99000 m ³	242,311	x		Phối hợp Bộ Công Thương xem xét bổ sung quy hoạch quốc gia. Chỉ được thực hiện sau khi cơ quan thẩm quyền phê duyệt.
6	Kho xăng dầu	Đặc khu Phú Quốc	120.000 m ³	120.000 - 300.000	x		Đã có quy hoạch trung ương theo Phụ lục V Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên chưa có quy hoạch tỉnh, do đó đề xuất bổ sung vào quy hoạch tỉnh.
7	Kho xăng dầu	Khu vực cảng Bãi Vòng, Đặc khu Phú	Dưới 5.000 m ³	50.000	x		Đề xuất bổ sung để phù hợp với tình hình của địa phương theo Quyết định số 2450/QĐ-BXD ngày

STT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Công suất dự kiến	Diện tích dự kiến (m ²)	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Ghi chú
					Giai đoạn 2026 - 2030	Sau năm 2030	
		Quốc					29/12/2025 của Bộ Xây Dựng.
8	Kho xăng dầu Kiên Lương	xã Kiên Lương	100.000 m ³	60.000 - 100.000	x	x	Đã có quy hoạch trung ương theo Phụ lục V 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ.
9	Kho xăng dầu Nam Du	Đặc khu Kiên Hải	70.000 m ³	60.000 - 100.000	x	x	Đã có Quy hoạch trung ương theo Phụ lục V 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ.
10	Kho xăng dầu xã Vĩnh Điều	xã Vĩnh Điều	1.000 m ³			x	Đề xuất bổ sung (theo đề xuất của UBND xã tại Báo cáo số 54/BC-UBND ngày 13/8/2025)
III	Trạm/kho khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG)						
1	Kho khí Phú Quốc	Đặc khu Phú Quốc	150.000 tấn	Nghiên cứu xác định trong quá trình lập dự án	x		Giữ nguyên theo Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ . Đề xuất bổ sung quy hoạch Trung ương do trên 2.500 tấn. Chỉ được thực hiện sau khi cơ quan thẩm quyền phê duyệt.
2	Kho khí Phú Quốc	Đặc khu Phú Quốc	Dưới 10,5 tấn	Nghiên cứu xác định trong quá trình lập dự án	x		Đề xuất bổ sung để phù hợp với tình hình của địa phương theo Quyết định số 2450/QĐ-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ Xây Dựng.
3	Kho nhập khẩu khí Thổ Châu	Đặc khu Thổ Châu	300.000 tấn	Nghiên cứu xác định trong	x		Giữ nguyên theo Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11

STT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Công suất dự kiến	Diện tích dự kiến (m ²)	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Ghi chú
					Giai đoạn 2026 - 2030	Sau năm 2030	
				quá trình lập dự án			năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ . Đề xuất bổ sung Quy hoạch trung ương do trên 2.500 tấn. Chỉ được thực hiện sau khi cơ quan thẩm quyền phê duyệt.
4	Kho nhập khẩu khí Nam Du	Đặc khu Kiên Hải	300.000 tấn	Nghiên cứu xác định trong quá trình lập dự án	x		Giữ nguyên theo Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ. Đề xuất bổ sung Quy hoạch trung ương do trên 2.500 tấn. Chỉ được thực hiện sau khi cơ quan thẩm quyền phê duyệt.
5	Kho khí Kiên Lương	Xã Kiên Lương	150.000 tấn	Nghiên cứu xác định trong quá trình lập dự án	x		Giữ nguyên theo Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ. Đề xuất bổ sung Quy hoạch trung ương do trên 2.500 tấn. Chỉ được thực hiện sau khi cơ quan thẩm quyền phê duyệt.
6	Kho khí An Biên	Xã An Biên	150.000 tấn	Nghiên cứu xác định trong quá trình lập dự án	x		Giữ nguyên theo Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ. Đề xuất bổ sung Quy hoạch trung ương do trên 2.500 tấn. Chỉ được thực hiện sau khi cơ quan thẩm quyền phê duyệt.
7	Trạm nạp LPG vào chai	Xã Phú Lâm	4 tấn	3.000	x		Giữ nguyên theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11

STT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Công suất dự kiến	Diện tích dự kiến (m ²)	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Ghi chú
					Giai đoạn 2026 - 2030	Sau năm 2030	
	Kho Phú Long						năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ
8	Kho Bình Thạnh Đông	Xã Bình Thạnh Đông	6 tấn	5.000	x		Giữ nguyên theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ
9	Kho Vĩnh Bình	Xã Vĩnh Bình	200 tấn	2.000			Đề xuất bổ sung (theo đề xuất của UBND xã tại Báo cáo số 32/BC-UBND ngày 31/7/2025)
10	Kho LNG Tây Nam Bộ (FSRU/trên bờ)		1-3 triệu tấn	Nghiên cứu xác định trong quá trình lập dự án	x		Đã có Quy hoạch trung ương theo Phụ lục X Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ (địa điểm tỉnh Kiên Giang cũ, Cà Mau).
11	Kho chứa và trạm chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào chai	Các xã, phường, đặc khu		Nghiên cứu xác định trong quá trình lập dự án			Giữ nguyên theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư và phân kỳ đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Quy hoạch hạ tầng kho xăng dầu, khí đốt của tỉnh phải phù hợp với Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ; phù hợp với Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ; các quy hoạch, kế hoạch liên quan và được cấp thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với nhu cầu thực tế phát triển của tỉnh.

- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các công trình, tổng mức đầu tư và nguồn vốn, hình thức đầu tư sẽ được xác định, tính toán chính xác trong quá trình lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục hạ tầng kho cung ứng, dự trữ xăng dầu, khí đốt trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bổ không gian các hoạt động kinh tế - xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.